

Số: 2774/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 29 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022 - 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 151/TTr-SKHĐT ngày 28/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.../

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Kế hoạch và đầu tư (b/c);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- BLĐ VP.UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT. 04

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quỳnh Thiện



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh
Trà Vinh giai đoạn 2022-2025
(Kèm theo Quyết định số: **2774/QĐ-UBND** ngày **29** /11/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thời gian qua, Chính phủ rất quan tâm đến sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa, đã ban hành nhiều chính sách để hỗ trợ cho doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng. Thực hiện Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Theo đó, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết 118/NQ-HĐND ngày 12/4/2019 về chủ trương đối với Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 07/5/2020 về chủ trương sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh có Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 ban hành Kế hoạch hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2018 - 2020, Quyết định số 791/QĐ-UBND ngày 09/5/2019 ban hành Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; trong đó, triển khai nhiều chính sách hỗ trợ chung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ và đặc biệt là hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp; các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp cụ thể như hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận tín dụng và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho doanh nghiệp; hỗ trợ về công tác kế toán cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi sự; hỗ trợ mặt bằng sản xuất cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ xúc tiến, mở rộng thị trường; hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao và đổi mới công nghệ; hỗ trợ thông tin, tư vấn pháp lý; hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyên đổi từ hộ kinh doanh,... qua đó, đã hỗ trợ cho 1.017 doanh nghiệp với tổng kinh phí là 1.534 triệu đồng.

Đóng góp chung vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như: Tăng trưởng kinh tế (GRDP) duy trì mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2018 - 2020 đạt 9,31%, mặc dù năm 2020 gặp nhiều khó khăn do dịch Covid-19 nhưng tăng trưởng đạt được 3,32%; quy mô nền kinh tế, thị trường doanh nghiệp không ngừng mở rộng; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo đúng hướng, tỷ trọng của nông lâm thủy sản trong GRDP giảm còn dưới 30% trong cơ cấu kinh tế; GRDP bình quân đầu người người tăng từ 53,03 triệu đồng/người năm 2018 lên 63,14 triệu đồng/người năm 2020; số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa không ngừng tăng lên, tổng doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển mới giai đoạn 2018 - 2020 là 1.099

doanh nghiệp, bình quân hàng năm phát triển mới 366 doanh nghiệp⁽¹⁾ và tính đến nay, toàn tỉnh có 3.251 doanh nghiệp, trong đó có 3.187 doanh nghiệp nhỏ và vừa, chiếm 98%; đóng góp của các doanh nghiệp nhỏ và vừa vào tăng trưởng GRDP tuy chưa giữ được vị trí quan trọng nhưng cũng góp phần giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động tăng thêm; giá trị tài sản cố định và đầu tư dài hạn bình quân của một doanh nghiệp tăng là tín hiệu tích cực đối với nền kinh tế trong sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa; kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa khá tốt, doanh thu tăng và doanh nghiệp có lợi nhuận mặc dù có xu hướng giảm; năm 2020 đóng góp vào GRDP của tỉnh 10,18% và khoảng trên 14,02% ngân sách tỉnh.

Ngày 26/8/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thay thế Nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ. Nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Quyết định 151/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025 đạt hiệu quả thiết thực; đồng thời, để các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được xuyên suốt và liên tục thì cần phải xây dựng Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022 - 2025 theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, để tổng hợp tất cả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Với những lý do nêu trên, việc xây dựng Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022 - 2025 nhằm đạt mục tiêu phát triển doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Trà Vinh phát triển bền vững, thúc đẩy hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp là hết sức cần thiết, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022 - 2025.

II. MỤC TIÊU, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH, PHƯƠNG THỨC LỰA CHỌN VÀ NGUYÊN TẮC HỖ TRỢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, ổn định để các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh phát triển.

- Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Trà Vinh cả về số lượng và chất lượng, tăng ổn định góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Trà Vinh trong nhóm đầu khu vực đồng bằng sông Cửu Long trước năm 2030.

⁽¹⁾ Theo Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh thì doanh nghiệp nhỏ và vừa đăng ký thành lập mới 500 - 550 doanh nghiệp/năm; trung bình giai đoạn 2016 - 2019 phát triển mới hàng năm là 336 doanh nghiệp.

- Phân đầu đến năm 2025, toàn tỉnh có tổng số 5.000 doanh nghiệp, trong đó số doanh nghiệp phát triển mới là 2.000 doanh nghiệp.

b) Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa, phân đầu tốc độ phát triển doanh nghiệp mới hàng năm đạt từ 500 doanh nghiệp/năm trở lên và có từ 50 hộ đăng ký kinh doanh chuyên lên doanh nghiệp.

- Phân đầu có khoảng 100 doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ đào tạo trực tiếp trong lĩnh vực hoạt động sản xuất, chế biến.

- Phân đầu có khoảng 720 lượt doanh nghiệp, hộ kinh doanh, dự án khởi nghiệp tham gia vào các khóa đào tạo khởi nghiệp tại Vườn ươm doanh nghiệp tỉnh Trà Vinh; có từ 100 - 160 doanh nghiệp đưa vào huấn luyện học viện khởi nghiệp, trong đó có từ 10 - 16 doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

- Phân đầu đến 2025 trên địa bàn tỉnh có ít nhất 05 doanh nghiệp thành lập mới tham gia chuyển đổi công nghệ số trong tất cả các ngành, nghề, lĩnh vực.

2. Phạm vi, thời gian thực hiện

- Cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh nằm trong khuôn khổ các cơ chế chính sách chung theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Đề án được thực hiện trong giai đoạn từ năm 2022 đến hết năm 2025.

3. Đối tượng của Đề án

- Doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

- Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

4. Tiêu chí xác định, phương thức lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa

- Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

- Tiêu chí xác định, phương thức lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

- Tiêu chí xác định cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị và lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị để hỗ trợ theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

5. Nguyên tắc thực hiện hỗ trợ

- Căn cứ vào khả năng cân đối nguồn lực và định hướng ưu tiên hỗ trợ trong từng thời kỳ, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quyết định số lượng doanh nghiệp đủ điều kiện được nhận hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc như:

+ Doanh nghiệp nhỏ và vừa nộp hồ sơ trước được hỗ trợ trước.

+ Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp xã hội theo quy định của pháp luật được hỗ trợ trước.

- Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định của Đề án này và các quy định khác của pháp luật có liên quan thì doanh nghiệp được lựa chọn một mức hỗ trợ có lợi nhất.

- Ngoài các nội dung hỗ trợ riêng theo quy mô doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa quy định chi tiết tại Đề án này, các nội dung hỗ trợ chung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được áp dụng cho cả doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị được hưởng các nội dung hỗ trợ theo quy định tại Chương IV và các nội dung hỗ trợ khác không trùng lặp quy định tại Chương III Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và trên cơ sở năng lực thực hiện, các cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trực tiếp cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoặc phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có năng lực để cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đủ điều kiện.

III. NỘI DUNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA CỦA ĐỀ ÁN

1. Hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

a) Nhiệm vụ

- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp áp dụng công nghệ số vào hoạt động sản xuất kinh doanh, chuyển đổi phương thức quản lý, điều hành từ phương pháp truyền thống sang phương thức ứng dụng công nghệ hiện đại vào trong quản lý, quy trình sản xuất một cách toàn diện.

- Khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng các công nghệ số, phần mềm điện tử, phần mềm kế toán,... vào quy trình quản lý, điều hành hoạt động của doanh nghiệp.

b) Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy

trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa.

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 20 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp siêu nhỏ; không quá 50 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa.

- Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

2. Hỗ trợ thông tin cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

a) Nhiệm vụ

- Nâng cấp, duy trì, quản lý vận hành Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để cung cấp thông tin miễn phí cho doanh nghiệp nhỏ và vừa về các chương trình, kế hoạch, dự án, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, thông tin về thị trường, công nghệ,... thực hiện kết nối cộng đồng doanh nghiệp.

- Tuyên truyền cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp truy cập vào Cổng thông tin điện tử quốc gia, Cổng thông tin điện tử tỉnh về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp truy cập cổng thông tin điện tử tỉnh phục vụ tìm kiếm, khai thác thông tin.

b) Nội dung hỗ trợ

Doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn phí truy cập các thông tin quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên Cổng thông tin và trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (mạng lưới tư vấn viên)

a) Nhiệm vụ

- Hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin hỗ trợ doanh nghiệp để cung cấp, phổ biến thông tin về các văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp, các chính sách, chương trình trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, các thông tin khác hỗ trợ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tạo điều kiện trong việc xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh khả thi để doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận các nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng.

- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận mạng lưới tư vấn viên trên Cổng thông tin quốc gia, Cổng thông tin và trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để lựa chọn tư vấn viên hoặc tổ chức tư vấn và dịch vụ tư vấn phù hợp nhu cầu của doanh nghiệp.

- Hỗ trợ đẩy mạnh tiêu thụ các mặt hàng nông sản có sản lượng lớn qua các Sàn thương mại điện tử (Tiki.vn, Sendo.vn, Shopee.vn, Voso.vn,...).

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các Hiệp định thương mại tự do như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland (UKVFTA),...

- Cập nhật, công khai mạng lưới chuyên gia, tư vấn viên trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia dịch vụ.

b) Nội dung hỗ trợ

Doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận mạng lưới tư vấn viên để được hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn về nhân sự, tài chính, sản xuất, bán hàng, thị trường, quản trị nội bộ và các nội dung khác liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn về thủ tục hành chính, pháp lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành), cụ thể như:

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp siêu nhỏ hoặc không quá 70 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp siêu nhỏ do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp siêu nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp siêu nhỏ là doanh nghiệp xã hội.

- Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 100 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ hoặc không quá 150 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ là doanh nghiệp xã hội.

- Hỗ trợ tối đa 30% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 150 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp vừa hoặc không quá 200 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp vừa là doanh nghiệp xã hội.

4. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực doanh nghiệp nhỏ và vừa

a) Nhiệm vụ

- Hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh thông qua các chương trình như: Đào tạo kiến thức về khởi sự kinh doanh và quản trị kinh doanh, quản trị kinh doanh chuyên sâu về kiến thức điều hành doanh nghiệp (CEO), quản trị kinh doanh chuyên sâu cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ.

- Hỗ trợ đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến.

- Hỗ trợ xây dựng và triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến và cung cấp các bài giảng trực tuyến, tài khoản miễn phí cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao năng lực quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động làm việc tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp:

+ Hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh và tối đa 70% tổng chi phí của một khóa quản trị doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

+ Miễn học phí cho học viên của doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp xã hội khi tham gia khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp.

- Hỗ trợ đào tạo trực tuyến về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp:

+ Miễn phí truy cập và tham gia các bài giảng trực tuyến có sẵn trên hệ thống đào tạo trực tuyến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Doanh nghiệp nhỏ và vừa truy cập hệ thống đào tạo trực tuyến để học tập theo thời gian phù hợp. Hệ thống đào tạo trực tuyến bao gồm nền tảng quản trị đào tạo trực tuyến, nền tảng đào tạo trực tuyến và hệ thống nội dung bài giảng trực tuyến.

+ Miễn phí tham gia các khóa đào tạo trực tuyến, tương tác trực tiếp với doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua các công cụ dạy học trực tuyến có sẵn ứng dụng trên các thiết bị điện tử thông minh của đối tượng được đào tạo (Zoom Cloud Meeting, Microsoft Teams, Google Classroom và các công cụ khác).

- Hỗ trợ đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất, chế biến:

+ Hỗ trợ tối đa 70% tổng chi phí của một khóa đào tạo tại doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng không quá 01 khóa/năm/doanh nghiệp.

+ Hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo tại doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp xã hội nhưng không quá 01

khoá/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ đào tạo nghề: Hỗ trợ chi phí đào tạo cho người lao động của doanh nghiệp nhỏ và vừa khi tham gia khóa đào tạo nghề trình độ sơ cấp hoặc chương trình đào tạo từ 03 tháng trở xuống. Các chi phí còn lại do doanh nghiệp nhỏ và vừa và người lao động thỏa thuận. Người lao động tham gia khóa đào tạo phải đáp ứng điều kiện đã làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa tối thiểu 06 tháng liên tục trước khi tham gia khóa đào tạo.

5. Hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh

a) Nhiệm vụ

- Tuyên truyền, khuyến khích hộ kinh doanh đủ điều kiện chuyển đổi thành lập doanh nghiệp.

- Tư vấn, hướng dẫn miễn phí hồ sơ, thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, miễn phí thẩm định, phí, lệ phí cấp phép kinh doanh lần đầu.

b) Nội dung hỗ trợ

- Hướng dẫn miễn phí hộ kinh doanh đăng ký chuyển đổi thành doanh nghiệp về trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

- Hướng dẫn miễn phí hộ kinh doanh đăng ký chuyển đổi thành doanh nghiệp về trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện (nếu có).

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp lần đầu tại cơ quan đăng ký kinh doanh, miễn phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp lần đầu tại Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được tư vấn, hướng dẫn miễn phí về thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

6. Hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

a) Nhiệm vụ

- Nghiên cứu, đổi mới công nghệ, tiếp nhận, cải tiến, hoàn thiện, làm chủ công nghệ; xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

- Khảo sát nhu cầu doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia sử dụng các dịch vụ hạ tầng, kỹ thuật ươm tạo đầy mạnh hoạt động hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Vườn ươm doanh nghiệp tỉnh Trà Vinh.

b) Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung:

+ Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 20 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 05 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa là 03 năm kể từ ngày doanh nghiệp ký hợp đồng thuê mặt bằng.

- Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ:

+ Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

+ Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế, bản thiết kế kiểu dáng công nghiệp, bản thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

+ Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

+ Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới:

+ Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp và xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm sản phẩm mới tại các đơn vị, tổ chức thử nghiệm sản phẩm hàng hóa nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

+ Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ công nghệ: Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu:

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khoá đào tạo chuyên sâu trong nước cho học viên của doanh nghiệp về xây dựng, phát triển sản phẩm; thương

mại hóa sản phẩm; phát triển thương mại điện tử; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học nhưng không quá 05 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm.

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khoá đào tạo, huấn luyện chuyên sâu ngắn hạn ở nước ngoài nhưng không quá 50 triệu đồng/học viên/năm và không quá 02 học viên/doanh nghiệp/năm.

- Hỗ trợ về thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo:

+ Miễn phí tra cứu thông tin về hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong nước và quốc tế; các sáng chế, thông tin công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học; thông tin kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo tại Cổng thông tin và trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử.

+ Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài.

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo nhưng không quá 30 triệu đồng/cuộc thi/năm/doanh nghiệp.

7. Hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

a) Nhiệm vụ

- Hỗ trợ đào tạo, nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên sâu cho doanh nghiệp; nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh; hỗ trợ thông tin, phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường; hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng.

- Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng.

b) Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ đào tạo:

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tổ chức khóa đào tạo nâng cao trình độ công

nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên sâu tại doanh nghiệp nhưng không quá 50 triệu đồng/khoá/năm/doanh nghiệp.

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đào tạo cho học viên của doanh nghiệp khi tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu theo nhu cầu phát triển của ngành, chuỗi giá trị nhưng không quá 10 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm.

- Hỗ trợ nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh:

+ Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đánh giá toàn diện năng lực của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

+ Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn cải tiến, nâng cấp kỹ thuật chuyên sâu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm cải thiện năng lực sản xuất, đáp ứng yêu cầu kết nối, trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp đầu chuỗi nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ thông tin, phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường:

+ Miễn phí tra cứu thông tin về các sự kiện kết nối với doanh nghiệp đầu chuỗi, quy trình tìm kiếm, xác định nhu cầu đặt hàng của các doanh nghiệp đầu chuỗi trên Cổng thông tin và các trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Miễn phí tra cứu thông tin về hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên Cổng thông tin và các trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử quốc tế.

+ Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia tại hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 70 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài.

+ Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyên giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

+ Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị nhưng không

quá 20 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng:

+ Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hợp đồng tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

+ Hỗ trợ 100% chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật nhưng không quá 20 triệu đồng/sản phẩm/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng:

+ Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đặt hàng các cơ sở, viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

8. Hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

a) Nhiệm vụ

Tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhỏ và vừa có dự án, phương án sản xuất, kinh doanh khả thi tiếp cận được nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng với mức lãi suất ưu đãi.

b) Nội dung hỗ trợ

Trong từng thời kỳ, mức chênh lệch lãi suất được ngân sách nhà nước cấp bù cho các khoản vay của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị thông qua các tổ chức tín dụng là 02%/năm.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kinh phí thực hiện

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ: 86.893.120.000 đồng.
- Ngân sách địa phương: 1.636.000.000 đồng.
- Tổng kinh phí thực hiện: 88.529.120.000 đồng.

(Đính kèm Phụ lục 04 - Dự toán kinh phí Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022 - 2025).

- Ngoài kinh phí thực hiện theo dự toán của Đề án, hàng năm các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng dự toán kinh phí cho các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư công của cơ quan, đơn vị trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện như kết nối mạng lưới, hội thảo, hội nghị, học tập chia sẻ kinh nghiệm,... Đồng thời, lồng ghép các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khác đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí thực hiện hàng năm theo kế hoạch của các sở, ban, ngành tỉnh.

- Căn cứ các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong Đề án, các sở, ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ các nhiệm vụ được giao về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, chủ động xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hàng năm gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.

2. Nguồn kinh phí

- Kinh phí thực hiện Đề án được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp; đồng thời, lồng ghép các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khác của các sở, ban ngành tỉnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí thực hiện hàng năm theo kế hoạch.

- Kinh phí khai thác và huy động từ các nguồn hợp pháp khác (nếu có): Ngân sách Trung ương, kinh phí hỗ trợ, tài trợ từ các tổ chức trong nước, ngoài nước,...

3. Thời gian hỗ trợ: Từ năm 2022 đến hết năm 2025.

V. CƠ CHẾ QUẢN LÝ, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ BÁO CÁO

1. Quản lý, giám sát và đánh giá thực hiện Đề án

a) Cơ chế quản lý, giám sát và đánh giá thực hiện đề án

- Công tác quản lý, giám sát và đánh giá thực hiện Đề án thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật theo quy định hiện hành.

- Hàng năm, các cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ lập dự toán gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và giao trong dự toán ngân sách để thực hiện hỗ trợ.

- Thủ trưởng các cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ tự kiểm tra, rà soát, xem xét và quyết định từng hồ sơ, từng trường hợp cụ thể được hỗ trợ và chịu trách nhiệm về việc hỗ trợ trước Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Sở Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho hoạt động hỗ trợ; đồng thời, kiểm tra việc sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Cơ chế phối hợp

- Các cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công khai nội dung, chương trình, kết quả thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các thông tin khác có liên quan theo quy định tại Điều 29 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý.

2. Cơ chế báo cáo, sơ kết, tổng kết, thi đua khen thưởng

- Định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/7 của năm) và hàng năm (trước ngày 15/01 của năm liền sau năm báo cáo) hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Tổ chức tổng kết thực hiện Đề án, đề xuất tôn vinh, khen thưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Đề án theo quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở nội dung của Đề án, phân công các đơn vị chủ trì, phối hợp tổ chức thực hiện cụ thể như sau:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Là đơn vị đầu mối chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể theo nội dung Đề án để tổ chức triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ thủ tục pháp lý về đăng ký doanh nghiệp.

- Thực hiện nâng cấp và quản lý vận hành hiệu quả hoạt động của Vườn ươm doanh nghiệp; tuyên truyền, phổ biến và đào tạo kiến thức khởi sự cho hộ kinh doanh.

- Tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo về đăng ký doanh nghiệp, kết nối kinh doanh, kết nối giao thương, tuyên truyền, cập nhật chính sách, nâng cao năng lực về hội nhập kinh tế quốc tế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa,...

- Thực hiện xây dựng ấn phẩm, tạp chí hoạt động hỗ trợ nhằm tuyên truyền, phổ biến các chương trình, hoạt động hỗ trợ đến doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các cuộc khảo sát nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh; hình thành và duy trì mạng lưới liên kết các đơn vị hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm kết nối, gắn kết và thúc đẩy hiệu quả các hoạt động hỗ trợ.

- Phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị có liên quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa kết nối và đẩy mạnh tiêu thụ các mặt hàng nông sản có sản lượng lớn qua các Sàn thương mại điện tử (Tiki.vn, Sendo.vn, Shopee.vn, Voso.vn,...), ưu tiên tập trung các sản phẩm thương mại có đầu nối vào sàn thương mại điện tử Quốc gia.

- Thường xuyên cập nhật, công khai mạng lưới chuyên gia, tư vấn viên trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia dịch vụ.

- Triển khai các chương trình hỗ trợ khác dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục 03 của Đề án.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở đào tạo nghề nghiệp trên địa bàn tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trong doanh nghiệp theo Đề án được phê duyệt.

- Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trong doanh nghiệp của các cơ sở đào tạo nghề nghiệp, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai, hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở đào tạo nghề nghiệp trên địa bàn tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trong doanh nghiệp theo Đề án được phê duyệt.

- Thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục 03 của Đề án.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, cơ quan truyền thông phối hợp với các đơn vị có liên quan thường xuyên thông tin, tuyên truyền về các cơ chế, chính sách và các nội dung hỗ trợ của Đề án.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục 03 của Đề án.

7. Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh, Báo Trà Vinh

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng các chuyên trang, chuyên mục phù hợp để phổ biến nội dung của Đề án và tuyên truyền về lợi ích, sự cần thiết khi thực hiện chuyển đổi thành doanh nghiệp, bám sát theo yêu cầu nội dung của Đề án.

8. Sở Tài chính

- Trên cơ sở Đề án được phê duyệt, hàng năm căn cứ khả năng cân đối ngân sách cấp tỉnh, Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các

đơn vị liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để triển khai thực hiện theo quy định.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan tư vấn hướng dẫn miễn phí về thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán quy định tại Điều 19 của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

9. Cục Thuế tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn và tuyên truyền trong công tác quản lý thuế, kê khai quyết toán thuế và chấp hành các chính sách, pháp luật về thuế cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát các chính sách thuế đối với doanh nghiệp và hộ kinh doanh để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất với Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương có liên quan nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chính sách thuế phù hợp, tạo sự bình đẳng giữa doanh nghiệp và hộ kinh doanh nhằm khuyến khích, thúc đẩy các hộ kinh doanh chuyển đổi thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

- Thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục 03 của Đề án.

10. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Trà Vinh

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn cho vay hỗ trợ lãi suất đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị theo quy định tại Mục 4 Chương IV Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

- Tổ chức thực hiện các nội dung về cho vay trung, dài hạn có hỗ trợ lãi suất theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành Trung ương có liên quan.

- Thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục 03 của Đề án.

11. Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Trà Vinh, Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Trà Vinh

- Làm đầu mối hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận các nguồn vốn vay của Quỹ để phục vụ cho đầu tư phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện cho vay có hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước bố trí; thực hiện tạm ứng, thanh toán, quyết toán theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục 03 của Đề án.

12. Các Sở, Ban, ngành tỉnh có liên quan

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp với cơ quan chủ trì Đề án tổ chức thực hiện các nội dung có liên quan đến lĩnh vực ngành, đơn vị phụ trách. Lồng ghép các hoạt động, đề án, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác với các hoạt

động, nhiệm vụ của Đề án này để triển khai thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và tiết kiệm ngân sách. Định kỳ hằng năm báo cáo tình hình triển khai thực hiện Đề án về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Tăng cường công tác rà soát, cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm thủ tục không cần thiết nhằm rút ngắn thời gian, chi phí cho doanh nghiệp; thực hiện hướng dẫn về thủ tục hồ sơ, tạo mọi điều kiện trong việc cấp giấy phép ngành nghề kinh doanh có điều kiện cho doanh nghiệp; nâng cao trình độ, đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức phụ trách tiếp xúc, giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

- Chủ động rà soát, triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án và quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực, ngành phụ trách.

13. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Chủ động phối hợp, tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh; đồng thời, tích cực triển khai các có hiệu quả Đề án, Kế hoạch về khởi nghiệp do các Đoàn thể tỉnh chủ trì (nếu có).

14. Các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

- Tăng cường tuyên truyền, đa dạng hóa các phương thức truyền thông, đổi mới nội dung tuyên truyền, phổ biến chính sách và pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; lồng ghép vào các hội nghị, tọa đàm, hội thảo và các trang thông tin điện tử, bản tin địa phương, băng rôn, khẩu hiệu,...

- Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc kịp thời kiến nghị với cơ quan chức năng để kịp thời tháo gỡ, tạo môi trường tốt nhất cho doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động và phát triển.

15. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách và pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; tư vấn hỗ trợ và xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện tại địa bàn quản lý.

- Rà soát số lượng hộ kinh doanh trên địa bàn có nhu cầu và đủ điều kiện để vận động, tuyên truyền phát triển lên doanh nghiệp, đảm bảo theo kế hoạch đề ra.

- Chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi tối đa trong việc giải quyết các hồ sơ thủ tục liên quan đến hoạt động của hộ kinh doanh.

- Hàng năm, giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện tổ chức rà soát, khảo sát nhu cầu hỗ trợ đào tạo nghề của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn và lập kế hoạch, dự toán chi tiết kinh phí gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp đề xuất Sở Tài chính bố trí nguồn kinh phí để tổ chức thực hiện.

- Lựa chọn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đủ điều kiện hoặc giao Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ đào tạo nghề của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn.

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trong doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn quản lý.

Yêu cầu các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội và các cơ quan, đơn vị có liên quan chủ động triển khai và phối hợp chặt chẽ thực hiện Đề án này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung nội dung Đề án này, các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan gửi văn bản về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.



Phụ lục I

QUY TRÌNH, THỦ TỤC HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ thông qua các cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Doanh nghiệp nhỏ và vừa gửi hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ quy định tại khoản 4 Phụ lục I này thông qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến tới cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để xem xét, quyết định.

2. Đối với nội dung hỗ trợ thông tin, phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh: Cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện theo kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước được giao.

3. Đối với nội dung hỗ trợ tư vấn, công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị được thực hiện theo quy trình, thủ tục như sau:

a) Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa xem xét hồ sơ, quyết định và có thông báo (bằng văn bản hoặc trực tuyến) cho doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không đủ điều kiện hỗ trợ, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có thông báo đến doanh nghiệp biết. Trường hợp doanh nghiệp đủ điều kiện hỗ trợ nhưng chưa đầy đủ hồ sơ, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp doanh nghiệp đủ điều kiện hỗ trợ và đầy đủ hồ sơ, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có thông báo về việc hỗ trợ cho doanh nghiệp, trong thông báo thể hiện rõ nội dung, kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ và kinh phí khác (nếu có).

b) Trường hợp cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có khả năng cung cấp trực tiếp sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: Sau khi có thông báo về việc hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng với doanh nghiệp nhỏ và vừa tiến hành ký hợp đồng; trong hợp đồng phải thể hiện rõ phần kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ, chi phí do doanh nghiệp nhỏ và vừa chi trả, chi phí khác (nếu có) và điều khoản thanh toán. Trên cơ sở kết quả triển khai thực hiện hợp đồng, hai bên nghiệm thu, thanh lý và thanh quyết toán chi phí hợp đồng theo quy định.

c) Trường hợp cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có năng lực cung cấp sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (gọi chung là bên cung cấp): Sau khi có thông báo về việc hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng với bên cung cấp và doanh nghiệp nhỏ và vừa tiến hành ký hợp đồng; trong hợp đồng phải thể hiện rõ phần kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ, chi phí do doanh nghiệp nhỏ và vừa chi trả, chi phí khác (nếu có) và điều

khoản thanh toán. Trên cơ sở kết quả triển khai thực hiện hợp đồng, ba bên nghiệm thu, thanh lý và thanh quyết toán chi phí hợp đồng theo quy định.

d) Việc sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ của cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo các trường hợp tại điểm b, điểm c khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn liên quan.

4. Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ bao gồm:

a) Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa và đề xuất nhu cầu hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Đề án này.

b) Những tài liệu, hồ sơ liên quan đến nội dung đề xuất hỗ trợ (nếu có).

5. Hồ sơ thanh toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:

a) Thông báo về việc hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Hợp đồng, thanh lý hợp đồng và nghiệm thu (nếu có) giữa doanh nghiệp nhỏ và vừa với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ;

c) Các hoá đơn, chứng từ tài chính có liên quan.



Phụ lục II

TỜ KHAI XÁC ĐỊNH DOANH NGHIỆP SIÊU NHỎ, DOANH NGHIỆP NHỎ, DOANH NGHIỆP VỪA VÀ ĐỀ XUẤT NHU CẦU HỖ TRỢ THEO NGHỊ ĐỊNH

Số 80/2021/NĐ-CP NGÀY 26/8/2021 CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số 2774 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Thông tin chung về doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Loại hình doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Quận/huyện: Tỉnh/thành phố:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Thông tin xác định doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ:

Có vốn điều lệ do một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu từ 51% trở lên:

Có Không

Tên người quản lý điều hành doanh nghiệp:

3. Thông tin về tiêu chí xác định quy mô doanh nghiệp:

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:

Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm:

Trong đó, số lao động nữ:

Tổng nguồn vốn:

Tổng doanh thu năm trước liền kề:

4. Doanh nghiệp tự xác định thuộc quy mô (tích X vào ô tương ứng):

Doanh nghiệp siêu nhỏ Doanh nghiệp nhỏ Doanh nghiệp vừa

5. Các nội dung đề xuất hỗ trợ (Doanh nghiệp lựa chọn một hoặc nhiều nội dung hỗ trợ):

Hỗ trợ công nghệ:

Hỗ trợ tư vấn:

Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực:

Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh:

Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo:

Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

DOANH NGHIỆP CAM KẾT

1. Về tính chính xác liên quan tới thông tin của doanh nghiệp.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

..... ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:

Phụ lục III
**BẢNG PHÂN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP
 NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH GIAI ĐOẠN 2022-2025**
*(Kèm theo Quyết định số: 2774/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2021
 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TT	NỘI DUNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
1	Hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	
1.1	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa.	Sở Thông tin và Truyền thông
1.2	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 20 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp siêu nhỏ; không quá 50 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
1.3	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ
1.4	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Hỗ trợ thông tin cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Sở Thông tin và Truyền thông
3	Hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (mạng lưới tư vấn viên)	
3.1	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp siêu nhỏ hoặc không quá 70 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp siêu nhỏ do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp siêu nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp siêu nhỏ là doanh nghiệp xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư
3.2	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 100 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ hoặc không quá 150 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ là doanh nghiệp xã hội	
3.3	Hỗ trợ tối đa 30% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 150 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp vừa hoặc không quá 200 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp vừa do	

TT	NỘI DUNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
	phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp vừa là doanh nghiệp xã hội	
4	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	
4.1	Hỗ trợ đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp	Sở Công Thương
-	Hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh và tối đa 70% tổng chi phí của một khóa quản trị doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	
-	Miễn học phí cho học viên của doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp xã hội khi tham gia khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp	
4.2	Hỗ trợ đào tạo trực tuyến về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư
-	Miễn phí truy cập và tham gia các bài giảng trực tuyến có sẵn trên hệ thống đào tạo trực tuyến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Doanh nghiệp nhỏ và vừa truy cập hệ thống đào tạo trực tuyến để học tập theo thời gian phù hợp. Hệ thống đào tạo trực tuyến bao gồm nền tảng quản trị đào tạo trực tuyến, nền tảng đào tạo trực tuyến và hệ thống nội dung bài giảng trực tuyến	
-	Miễn phí tham gia các khóa đào tạo trực tuyến, tương tác trực tiếp với doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua các công cụ dạy học trực tuyến có sẵn ứng dụng trên các thiết bị điện tử thông minh của đối tượng được đào tạo (Zoom Cloud Meeting, Microsoft Teams, Google Classroom và các công cụ khác)	
4.3	Hỗ trợ đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất, chế biến	Sở Công Thương
-	Hỗ trợ tối đa 70% tổng chi phí của một khóa đào tạo tại doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng không quá 01 khóa/năm/doanh nghiệp	
-	Hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo tại doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp xã hội nhưng không quá 01 khóa/năm/doanh nghiệp	
4.4	Hỗ trợ đào tạo nghề	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố
-	Hỗ trợ chi phí đào tạo cho người lao động của doanh nghiệp nhỏ và vừa khi tham gia khóa đào tạo nghề trình độ sơ cấp hoặc chương trình đào tạo từ 03 tháng trở xuống. Các chi phí còn lại do doanh nghiệp nhỏ và vừa và người lao động thỏa thuận. Người lao động tham gia khóa đào tạo phải đáp ứng điều kiện đã làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa tối thiểu 06 tháng liên tục trước khi tham gia khóa đào tạo	
5	Hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân

TT	NỘI DUNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
		các huyện, thị xã, thành phố
6	Hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo	
6.1	Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung	Sở Khoa học và Công nghệ
-	Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 20 triệu đồng/năm/doanh nghiệp	
-	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 5 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa là 03 năm kể từ ngày doanh nghiệp ký hợp đồng thuê mặt bằng	
6.2	Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ
-	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	
-	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế, bản thiết kế kiểu dáng công nghiệp, bản thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	
6.3	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ
-	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	
6.4	Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới	Sở Khoa học và Công nghệ
-	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp và xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	
-	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp	
-	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm sản phẩm mới tại các đơn vị, tổ chức thử nghiệm sản phẩm hàng hóa nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp	
-	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	
6.5	Hỗ trợ công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
-	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải	

TT	NỘI DUNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
	mã và chuyên giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	
6.6	Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu	
-	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khoá đào tạo chuyên sâu trong nước cho học viên của doanh nghiệp về xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; phát triển thương mại điện tử; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học nhưng không quá 5 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm	Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện
-	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khoá đào tạo, huấn luyện chuyên sâu ngắn hạn ở nước ngoài nhưng không quá 50 triệu đồng/học viên/năm và không quá 02 học viên/doanh nghiệp/năm	
6.7	Hỗ trợ về thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo	
-	Miễn phí tra cứu thông tin về hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong nước và quốc tế; các sáng chế, thông tin công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học; thông tin kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo tại cổng thông tin và các trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông
-	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	
-	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử	Sở Công Thương
-	Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài	
6.8	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo nhưng không quá 30 triệu đồng/cuộc thi/năm/doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư
7	Hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	
7.1	Hỗ trợ đào tạo	
-	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tổ chức khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên sâu tại doanh nghiệp nhưng không quá 50 triệu đồng/khoá/năm/doanh nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
-	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đào tạo cho học viên của doanh nghiệp khi tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu theo nhu cầu phát triển	

TT	NỘI DUNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
	áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hợp đồng tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	và Công nghệ
-	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp	
-	Hỗ trợ 100% chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật nhưng không quá 20 triệu đồng/sản phẩm/năm/doanh nghiệp	
7.5	Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng	
-	Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp	
-	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đặt hàng các cơ sở, viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ
-	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp	
8	Hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Ngân hàng NN Chi nhánh Trà Vinh, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Trà Vinh; Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Trà Vinh



Phụ lục IV
DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ ÁN HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH GIAI ĐOẠN 2022 - 2025

(Kèm theo Quyết định số: 2714/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền (năm 2022)	Tổng cộng (2022-2025)	Nguồn kinh phí		Ghi chú
			01 năm	04 năm				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
1	Hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa									
-	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa	DN	03	12	50.000.000	150.000.000	600.000.000	600.000.000		
-	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 20 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp siêu nhỏ; không quá 50 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp	DN	02	08	100.000.000	200.000.000	800.000.000	800.000.000		
-	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 20 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp siêu nhỏ; không quá 50 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp	DN	350	1.400	20.000.000	7.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000		
-	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 20 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp siêu nhỏ; không quá 50 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp	DN	130	520	50.000.000	6.500.000.000	26.000.000.000	26.000.000.000		
-	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 20 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp siêu nhỏ; không quá 50 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp	DN	20	80	100.000.000	2.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000		

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền (năm 2022)	Tổng cộng (2022-2025)	Nguồn kinh phí		Ghi chú
			01 năm	04 năm				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	<i>vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp</i>									
-	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập chuyên giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	DN	01	04	50.000.000	50.000.000	200.000.000	200.000.000		
5.4	<i>Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới</i>									
-	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp và xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	DN	07	28		150.000.000	600.000.000	600.000.000		
-	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với	DN	02	08	10.000.000	20.000.000	80.000.000	80.000.000		

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền (năm 2022)	Tổng cộng (2022-2025)	Nguồn kinh phí		Ghi chú
			01 năm	04 năm				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp									
-	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm sản phẩm mới tại các đơn vị, tổ chức thử nghiệm sản phẩm hàng hóa nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp	DN	02	08	30.000.000	60.000.000	240.000.000	240.000.000		
-	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	DN	02	08	50.000.000	100.000.000	400.000.000	400.000.000		
5.5	Hỗ trợ công nghệ							-		
-	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	DN	03	12	100.000.000	300.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000		
5.6	Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu									
-	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khoá đào tạo chuyên sâu trong nước cho học viên của doanh nghiệp về xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; phát triển thương mại điện tử; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường;	DN	15	60	5.000.000	225.000.000	900.000.000	900.000.000		

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền (năm 2022)	Tổng cộng (2022-2025)	Nguồn kinh phí		Ghi chú
			01 năm	04 năm				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
6.2	Hỗ trợ nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh							-		
-	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đánh giá toàn diện năng lực của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	DN	05	20	30.000.000	150.000.000	600.000.000	600.000.000		
-	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn cải tiến, nâng cấp kỹ thuật chuyên sâu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm cải thiện năng lực sản xuất, đáp ứng yêu cầu kết nối, trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp đầu chuỗi nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	DN	03	12	100.000.000	300.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000		
6.3	Hỗ trợ thông tin, phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường							-		
-	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	DN	02	08	50.000.000	100.000.000	400.000.000	400.000.000		
-	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không	DN	02	08	50.000.000	100.000.000	400.000.000	400.000.000		

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền (năm 2022)	Tổng cộng (2022-2025)	Nguồn kinh phí		Ghi chú
			01 năm	04 năm				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử quốc tế									
-	Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia tại hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 70 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài	DN	05	20	30.000.000	150.000.000	600.000.000	600.000.000		
-	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	DN	01	04	50.000.000	50.000.000	200.000.000	200.000.000		
-	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị nhưng không quá 20 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	DN	01	04	20.000.000	20.000.000	80.000.000	80.000.000		
6.4	<i>Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng</i>							-		

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền (năm 2022)	Tổng cộng (2022-2025)	Nguồn kinh phí		Ghi chú
			01 năm	04 năm				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
-	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hợp đồng tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	DN	04	16		120.000.000	480.000.000	480.000.000		
-	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp	DN	01	04	10.000.000	10.000.000	40.000.000	40.000.000		
-	Hỗ trợ 100% chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật nhưng không quá 20 triệu đồng/sản phẩm/năm/doanh nghiệp	DN	01	04	20.000.000	20.000.000	80.000.000	80.000.000		
6.5	Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng									
-	Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 30	DN	01	04	30.000.000	30.000.000	120.000.000	120.000.000		

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền (năm 2022)	Tổng cộng (2022-2025)	Nguồn kinh phí		Ghi chú
			01 năm	04 năm				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	triệu đồng/năm/doanh nghiệp									
-	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đặt hàng các cơ sở, viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp	DN	01	04	30.000.000	30.000.000	120.000.000	120.000.000		
-	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp	DN	01	04	50.000.000	50.000.000	200.000.000	200.000.000		
	Tổng cộng							86.893.120.000	1.636.000.000	
	Tổng cộng (NSTW + NST)							88.529.120.000		
<i>Bằng chữ: Tám mươi tám tỷ năm trăm hai mươi chính triệu một trăm hai chục ngàn đồng.</i>										

